UBND XÃ THANH MIỆN
HỘI ĐỒNG BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ

Số: /PABTHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Miện, ngày tháng năm 2026

PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới phía Đông Nam thị trấn Thanh Miện (nay thuộc xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng)

1. Đại diện hộ gia đình, cá nhân có cây trồng, vật nuôi, tài sản trên đất thu hồi:

- Hộ gia đình, cá nhân: Ông/bà **Vũ Huy Vượng**
- Số định danh cá nhân:
- Số điện thoại:
- Địa chỉ: Thôn Phượng Hoàng Hạ, xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng

2. Căn cứ pháp lý:

Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024; Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Các văn bản quy định về bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất: Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai; Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 9 năm 2026 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định chi tiết một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 196/2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2025 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Đơn giá bồi thường thiệt hại đối cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2026 của UBND thành phố Hải Phòng sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại đối với cây

Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2026 của UBND thành phố Hải Phòng về việc uỷ quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội; áp dụng trình tự, thủ tục hành chính về đất đai và một số nội dung liên quan trên địa bàn thành phố; Quyết định số 52/2026/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về việc phân cấp thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực đất đai và trình tự, thủ tục hành chính về lĩnh vực đất đai trên địa bàn thành phố Hải

Biên bản kiểm đếm về đất đai, cây trồng, vật nuôi và tài sản gắn liền với đất thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới phía Đông Nam thị trấn Thanh Miện (nay thuộc xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng)

3. Nội dung phương án:

Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư mới phía Đông Nam thị trấn Thanh Miện (nay thuộc xã Thanh Miện, thành phố Hải Phòng), cụ thể như sau:

TT	Hạng mục bồi thường, hỗ trợ	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (đồng)	Hệ số tính	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ	Thành tiền (đồng)
1	2	3	4	5	6	7=4*5*6	8	9=7*8
I	**Chi phí đào, bốc, xây mới**							**21.877.033**
1	Mộ đất: 01 mộ	Mộ	1,0	5.000.000	1,0	5.000.000	100%	5.000.000
2	Tài sản vật kiến trúc (phần xây trang trí mộ)							16.877.033
2.1	Xây đế: (1,85m+1,85m-0,33m)*2*0,33m*0,2m + (1,53+1,74m-0,22m)*0,22m*2*0,2m + (1,22+1,6m-0,11m)*0,11m*0,2m*2	m3	0,83	1.919.493	1,0	1.597.940	100%	1.597.940
	Trát đế: (1,85m+1,85m-0,33m)*2*0,2m + (1,53+1,74m-0,22m)*2*0,2m + (1,22+1,6m-0,11m)*0,2m*2+ 1,85*0,12m +1,85m*2*0,32+1,53*0,31*2 + 1,73m*0,13	m2	6,23	141.099	1,0	879.258	100%	879.258
2.2	Mặt đế BTCT: 1,6m*1,22m*0,15m	m3	0,29	5.710.896	1,0	1.672.150	100%	1.672.150
2.3	Mặt lát gạch ceramic 600*600: 1,6m*1,22m	m2	1,95	289.212	1,0	564.542	100%	564.542
2.4	Lăng BTXM đúc sẵn: 1m*0,8m cao 2,6m *(bao gồm cả chi phí vận chuyển, lắp đặt tại chỗ)*	lăng	1	6.500.000	1,0	6.500.000	100%	6.500.000
2.5	Bia mộ đá (KT 0,25m*0,35m)	cái	1,00	450.000	1,0	450.000	100%	450.000
2.6	Nền BTXM: (5,5m*4,5m)*0,12m	m3	2,97	1.755.267	1,0	5.213.143	100%	5.213.143
II	**Chi phí di dời mộ**							**1.500.000**
1	Chi phí di dời mộ (dưới 5km)	Mộ	1,0	1.500.000	1,0	1.500.000	100%	1.500.000
III	**Các chi phí khác**							**5.000.000**
1	Chi phí thay tiểu mới	Chiếc	1,0	3.000.000	1,0	3.000.000	100%	3.000.000
2	Chi phí hương, hoa quả, đồ cúng	Mộ	1,0	2.000.000	1,0	2.000.000	100%	2.000.000
	Cộng (I+II+III+IV)							**28.377.000**

Bằng chữ: Hai mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn đồng.